

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 1653/2016/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Ngọc Lâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 1427-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.544.887.022.475	1.346.613.029.743
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	132.549.365.270	71.619.606.172
111	1. Tiền		15.699.365.270	61.619.606.172
112	2. Các khoản tương đương tiền		116.850.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		322.871.804.369	66.345.884.879
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	17.633.469.255	27.897.807.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		302.649.403.971	37.371.949.255
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	2.588.931.143	1.076.128.369
140	IV. Hàng tồn kho	07	1.069.709.504.026	1.208.327.140.889
141	1. Hàng tồn kho		1.071.245.984.026	1.208.327.140.889
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.536.480.000)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.756.348.810	320.397.803
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		821.838.436	318.486.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.934.400.539	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	109.835	147.547
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		728.050.342.082	385.741.751.691
220	II. Tài sản cố định		289.234.389.888	97.898.750.962
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	40.676.336.012	44.141.860.763
222	- Nguyên giá		85.843.673.979	85.785.900.379
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.167.337.967)	(41.644.039.616)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	248.558.053.876	53.756.890.199
228	- Nguyên giá		251.329.385.890	56.348.485.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.771.332.014)	(2.591.595.691)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	16.439.655.089	1.676.050.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		16.439.655.089	1.676.050.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	422.160.060.022	286.166.949.820
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		422.160.060.022	286.166.949.820
260	VI. Tài sản dài hạn khác		216.237.083	-
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26	216.237.083	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.272.937.364.557	1.732.354.781.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		663.029.433.947	1.002.029.450.623
310	I. Nợ ngắn hạn		658.593.034.270	990.500.508.711
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	94.848.245.294	115.661.560.581
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		159.383.250.910	28.389.893.454
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	77.430.062.486	50.999.958.691
314	4. Phải trả người lao động		15.217.517	18.207.017
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	86.064.186.011	301.025.318.982
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.499.171.523	951.437.814
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	15	48.178.468.875	400.474.915.851
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	191.036.835.591	92.841.620.258
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		4.436.399.677	11.528.941.912
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	2.936.399.677	1.528.941.912
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	1.500.000.000	10.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.609.907.930.610	730.325.330.811
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	1.609.907.930.610	730.325.330.811
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.200.000.000.000	464.986.750.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		1.200.000.000.000	464.986.750.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		379.354.358.945	170.071.123.593
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		170.060.123.593	2.404.598.074
421b	LNST chưa phân phối năm nay		209.294.235.352	167.666.525.519
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		30.553.571.665	95.267.457.218
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.272.937.364.557	1.732.354.781.434

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2016



Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.144.739.510.646	1.140.374.694.539
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.144.739.510.646	1.140.374.694.539
11	4. Giá vốn hàng bán	19	898.177.092.457	824.670.336.816
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		246.562.418.189	315.704.357.723
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.616.649.322	2.582.532.263
22	7. Chi phí tài chính	21	3.195.873.768	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.475.844.399	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.593.110.202	170.388.709
25	9. Chi phí bán hàng		2.326.046.874	12.231.695.054
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15.567.624.605	10.951.451.526
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		233.682.632.466	295.274.132.115
31	12. Thu nhập khác	23	550.977.645	1.192.227.493
32	13. Chi phí khác	24	931.857.367	8.678.938.859
40	14. Lợi nhuận khác		(380.879.722)	(7.486.711.366)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		233.301.752.744	287.787.420.749
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	51.937.640.028	64.994.065.173
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	(216.237.083)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>181.580.349.799</u>	<u>222.793.355.576</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		162.236.862.647	167.666.525.519
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	16	19.343.487.152	55.126.830.057
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.701	3.680

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		233.301.752.744	287.787.420.749
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.663.393.709	7.906.025.889
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.722.134.674	9.261.231.806
03	- Các khoản dự phòng		1.536.480.000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.829.857)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.069.235.507)	(1.355.205.917)
06	- Chi phí lãi vay		2.475.844.399	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		234.965.146.453	295.693.446.638
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(275.458.518.980)	21.177.983.057
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		137.081.156.863	(46.204.411.165)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(456.305.638.476)	(56.195.770.170)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(503.351.517)	101.960.356
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.475.844.399)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.327.233.561)	(14.564.346.219)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.011.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(388.035.283.617)	200.008.862.497
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.821.377.780)	(2.082.559.999)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	454.545.455
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		(171.993.110.202)	(70.170.388.709)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.069.235.507	2.582.532.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(180.745.252.475)	(69.215.870.990)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		540.013.250.000	30.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		668.180.040.920	306.709.696.260
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(578.484.825.587)	(415.404.396.526)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		629.708.465.333	(78.694.700.266)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		60.927.929.241	52.098.291.241
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		71.619.606.172	19.521.314.931
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.829.857	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	132.549.365.270	71.619.606.172

(*) Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác bao gồm 36 tỷ đồng đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt trong năm 2015.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 07 tháng 12 năm 2015 có vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 628.000.000.000 đồng; Tương đương 62.800.000 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tuy nhiên, vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.200 tỷ đồng. Ngày 16 tháng 03 năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tám với tổng số vốn điều lệ là 1.200 tỷ đồng (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 31).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;

- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động)
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Hoạt động phân phối xe đầu kéo nhập khẩu của Mỹ được Công ty bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2015, dẫn tới doanh thu trong năm 2015 tăng đột biến so với năm 2014.
- Trong năm 2015, Công ty có kế hoạch tách hoạt động bất động sản thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2015. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thông qua chủ trương hủy kế hoạch chia tách (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 31).

Cấu trúc Công ty

- Tổng số các Công ty con: 1 Công ty
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 1 Công ty
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: Không có

Thông tin về tái cấu trúc Công ty

- + Trong năm, Công ty mua lại 3.000.000 cổ phần của Công ty con từ Cổ đông khác; Nâng tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết từ 75% lên 93,75%.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	93,75%	93,75%	Đầu tư bất động sản

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo Phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	44,44%	44,44%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	42,50%	42,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	23,86%	23,86%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.5. Đầu tư vào Công ty Liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

2.8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.10. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12. Tài sản cố định và Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.001.198.045	553.351.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.698.167.225	61.066.254.183
Các khoản tương đương tiền	116.850.000.000	10.000.000.000
	<u>132.549.365.270</u>	<u>71.619.606.172</u>

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 30/10/2015 đến 30/01/2015 có giá trị 116.850 triệu đồng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất từ 4,9 %/năm đến 5,5 %/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH TM Ô tô An Phước	445.000.000	-
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	480.000.000	-
- Công ty TNHH Đông Đô	445.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ô tô Trung Việt	429.000.000	1.565.634.262
- Công ty TNHH MTV Trường Hải	330.000.000	-
- Nguyễn Quốc Hiệp	-	2.191.930.416
- Nguyễn Thị Thanh Hiền	-	1.635.447.059
- Đỗ Ngọc Kiên	-	1.656.710.444
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.504.469.255	20.848.085.074
	17.633.469.255	27.897.807.255
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	17.633.469.255	27.897.807.255
	17.633.469.255	27.897.807.255

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	1.115.087.916	-	-	-
- Phải thu Công ty Bất động sản Hoàng Huy ứng tiền theo Quyết định chia tách	313.873.136	-	-	-
- Thuế GTGT chưa kê khai	417.777.608	-	35.911.392	-
- Tạm ứng cho người lao động	612.192.483	-	946.269.762	-
- Phải thu khác	130.000.000	-	93.947.215	-
	2.588.931.143	-	1.076.128.369	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.713.665.532	-	4.628.425.554	-
- Công cụ, dụng cụ	12.140.725	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	856.936.238.582	-	1.199.579.072.132	-
- Thành phẩm	3.431.658.734	-	4.099.273.203	-
- Hàng hóa	205.681.053.092	(1.536.480.000)	20.370.000	-
- Hàng gửi bán	1.471.227.361	-	-	-
	1.071.245.984.026	(1.536.480.000)	1.208.327.140.889	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là Chi phí thực hiện Dự án Chung cư cao cấp Golden Land tại địa chỉ 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, do Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy làm chủ đầu tư. Dự án Chung cư cao cấp Golden Land bắt đầu bàn giao căn hộ và ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản từ năm 2014.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	16.439.655.089	1.676.050.909
+ Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu	16.439.655.089	1.676.050.909
	16.439.655.089	1.676.050.909

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	64.997.440.680	11.352.586.146	8.663.227.727	772.645.826	85.785.900.379
Số tăng trong năm	-	57.773.600	-	-	57.773.600
- Mua trong năm	-	57.773.600	-	-	57.773.600
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	64.997.440.680	11.410.359.746	8.663.227.727	772.645.826	85.843.673.979
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.100.323.513	11.286.468.722	3.886.154.403	371.092.978	41.644.039.616
Số tăng trong năm	2.450.629.531	23.526.588	956.127.261	93.014.971	3.523.298.351
- Khấu hao trong năm	2.450.629.531	23.526.588	956.127.261	93.014.971	3.523.298.351
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	28.550.953.044	11.309.995.310	4.842.281.664	464.107.949	45.167.337.967
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	38.897.117.167	66.117.424	4.777.073.324	401.552.848	44.141.860.763
Tại ngày cuối năm	36.446.487.636	100.364.436	3.820.946.063	308.537.877	40.676.336.012

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.438.282.802 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	56.217.489.700	19.100.000	111.896.190	56.348.485.890
- Tăng do góp vốn (*)	195.000.000.000	-	-	195.000.000.000
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(19.100.000)	-	(19.100.000)
Số dư cuối năm	251.217.489.700	-	111.896.190	251.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.460.599.501	19.100.000	111.896.190	2.591.595.691
- Khấu hao trong năm	198.836.323	-	-	198.836.323
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(19.100.000)	-	(19.100.000)
Số dư cuối năm	2.659.435.824	-	111.896.190	2.771.332.014
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	53.756.890.199	-	-	53.756.890.199
Tại ngày cuối năm	248.558.053.876	-	-	248.558.053.876

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 VND

(*) Giá trị quyền sử dụng đất tại 183 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội được thực hiện góp vốn bổ sung theo Hợp đồng góp vốn bằng Quyền sử dụng đất ngày 15/04/2015 giữa Ông Đỗ Hữu Hạ, Bà Nguyễn Thị Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy. Giá trị góp vốn thỏa thuận được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 01/2015/BCTĐG-Kreston ngày 30/10/2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Kreston (VN).

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	50.736.624.521	50.736.624.521	666.680.040.920	536.379.829.850	181.036.835.591	181.036.835.591
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng ⁽¹⁾	-	-	154.350.381.785	110.380.596.194	43.969.785.591	43.969.785.591
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng	7.416.764.021	7.416.764.021	-	7.416.764.021	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	181.303.827.360	181.303.827.360	-	-
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	26.058.609.775	26.058.609.775	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	136.995.222.000	136.995.222.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Hòa ⁽⁴⁾	23.609.305.000	23.609.305.000	-	23.609.305.000	-	-
+ Ông Đỗ Hữu Hưng ⁽⁴⁾	13.924.705.500	13.924.705.500	12.672.000.000	26.596.705.500	-	-
+ Ông Đỗ Hữu Hậu ⁽⁴⁾	-	-	21.000.000.000	11.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà ⁽²⁾	-	-	118.000.000.000	-	118.000.000.000	118.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Lâm Hậu ⁽³⁾	-	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000
+ Vay đối tượng khác ⁽⁴⁾	5.785.850.000	5.785.850.000	12.800.000.000	13.018.800.000	5.567.050.000	5.567.050.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	42.104.995.737	42.104.995.737	10.000.000.000	42.104.995.737	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	32.560.885.092	32.560.885.092	-	32.560.885.092	-	-
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁵⁾	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	9.544.110.645	9.544.110.645	-	9.544.110.645	-	-
	92.841.620.258	92.841.620.258	676.680.040.920	578.484.825.587	191.036.835.591	191.036.835.591

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng gồm 2 Hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 633-12.15/HĐTD/PHG ngày 10/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn thi công hoàn thiện và quyết toán công trình nhà N01 dự án Golden Land 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội;

+ Thời hạn vay: Từ 10/12/2015 đến 15/01/2016;

+ Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ;

+ Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản, bao gồm: (i) Hợp đồng tiền gửi số 26.30102015/HĐTG/TPB-PHG mệnh giá 26.000.000.000 VND; (ii) Hợp đồng tiền gửi số 35.30102015/HĐTG/TPB-PHG mệnh giá 35.000.000.000 VND.

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 24.022.240.854 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng số 635-12.15/HĐTD/PHG ngày 15/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn thi công hoàn thiện và quyết toán công trình nhà N01 dự án Golden Land 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội;

+ Thời hạn vay: Từ 10/12/2015 đến 15/01/2016;

+ Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ;

+ Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản, bao gồm: (i) Hợp đồng tiền gửi số 26.30102015/HĐTG/TPB-PHG mệnh giá 26.000.000.000 VND; (ii) Hợp đồng tiền gửi số 35.30102015/HĐTG/TPB-PHG mệnh giá 35.000.000.000 VND.

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 19.947.544.737 đồng.

(2) Hợp đồng vay số 23.11.2015/HH-HV ngày 23/11/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Thời hạn vay: không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Vay tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 118.000.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng vay số 02.12.2015/HH-HV ngày 03/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Thời hạn vay: không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Vay tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 3.500.000.000 đồng.

(4) Phản ánh các khoản vay không lãi suất từ các cổ đông Công ty và Vay dài hạn đến hạn trả của một số cá nhân để thực hiện dự án Golden Land Building; Lãi suất cho vay từ 0%-2% /năm. Một số trường hợp, cá nhân cho vay có quyền thực hiện mua căn hộ tại dự án, trường hợp cá nhân cho vay có quyền thực hiện mua căn hộ thì sẽ áp dụng lãi suất là 0%.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01230114/TH ngày 23/01/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết như sau:

+ Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng Khu nhà ở cao tầng NO1 thuộc dự án Xây dựng Khu Trung tâm Thương mại Dịch vụ và Nhà ở Golden Land Building;

+ Thời hạn cho vay: 24 tháng, trả gốc một lần khi đáo hạn, lãi trả hàng quý;

+ Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm số 172791049 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 23/1/2014, chủ sở hữu là ông Đỗ Hữu Hưng trị giá 10.000.000.000 VND;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 10.000.000.000 đồng, trong đó toàn bộ số gốc vay này đến hạn trả trong năm 2016.

(6) Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01230114/TH ngày 23/01/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- + Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm, trong trường hợp rút tiền vay trước hạn thì áp dụng lãi suất 0%;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Vay tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 1.500.000.000 đồng, trong đó số gốc vay này đến hạn trả trong năm 2016 là 0 đồng.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015		01/01/2015	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	Công ty liên kết	118.000.000.000	1.058.722.222	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	3.500.000.000	23.138.889	-	-
- Ông Đỗ Hữu Hậu	Cổ đông lớn	10.000.000.000	-	-	-
		131.500.000.000	1.081.861.111	-	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

- Navistar, Inc	3.697.980.300	3.697.980.300	-	-
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	22.697.827.651	22.697.827.651	40.836.848.552	40.836.848.552
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Nội	-	-	12.294.324.149	12.294.324.149
- Công ty Cổ phần Hawee cơ điện	20.862.554.783	20.862.554.783	7.617.833.541	7.617.833.541
- Công ty Xây dựng Số 1 Hà Nội	20.092.111.013	20.092.111.013	17.690.742.134	17.690.742.134
- Công ty TNHH Việt Hà	4.887.146.077	4.887.146.077	8.292.253.399	8.292.253.399
- Công ty TNHH Bình Khánh	3.494.623.305	3.494.623.305	-	-
- Công ty Xây dựng Long Giang	-	-	4.609.714.570	4.609.714.570
- Công ty Cổ phần Viên Lâm Hà Nội	-	-	6.594.832.773	6.594.832.773
- Phải trả các đối tượng khác	19.116.002.165	19.116.002.165	17.725.011.463	17.725.011.463
	94.848.245.294	94.848.245.294	115.661.560.581	115.661.560.581

b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn

- Phải trả người bán ngắn hạn	94.848.245.294	94.848.245.294	115.661.560.581	115.661.560.581
	94.848.245.294	94.848.245.294	115.661.560.581	115.661.560.581

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.121.016.579	65.582.274.086	66.703.353.665	63.000	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	25.461.114.417	25.461.114.417	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	49.811.266.755	51.937.640.028	24.327.233.561	-	77.421.673.222
- Thuế thu nhập cá nhân	147.547	67.675.357	313.155.688	372.341.069	46.835	8.389.264
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.712.489.710	1.712.489.710	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	147.547	50.999.958.691	145.012.673.929	118.582.532.422	109.835	77.430.062.486

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Trích trước chi phí xây dựng Dự án Golden Land	86.064.186.011	301.025.318.982
	86.064.186.011	301.025.318.982

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	8.019.201
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660.000.000	4.260.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	47.518.468.875	396.206.896.650
+ Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ	18.813.376.279	8.166.503.750
+ Thu tiền khách mua căn hộ theo tiến độ Hợp đồng	27.566.869.197	387.961.498.775
+ Lãi vay phải trả	1.081.861.111	-
+ Phải trả ngắn hạn khác	56.362.288	78.894.125
	48.178.468.875	400.474.915.851
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.936.399.677	1.528.941.912
	2.936.399.677	1.528.941.912



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	434.986.750.000	2.404.598.074	40.140.627.161	477.531.975.235
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	167.666.525.519	55.126.830.057	222.793.355.576
Số dư cuối năm trước	464.986.750.000	170.071.123.593	95.267.457.218	730.325.330.811
Số dư đầu năm nay	464.986.750.000	170.071.123.593	95.267.457.218	730.325.330.811
Tăng vốn trong năm nay	735.013.250.000	-	-	735.013.250.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	162.236.862.647	19.343.487.152	181.580.349.799
Ảnh hưởng do điều chỉnh tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ và cổ đông không kiểm	-	47.057.372.705	(83.057.372.705)	(36.000.000.000)
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Giảm khác	-	(11.000.000)	-	(11.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.200.000.000.000	379.354.358.945	30.553.571.665	1.609.907.930.610

(*) Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Công ty mẹ) mua lại 3.000.000 Cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt (Công ty con) từ Cổ đông khác với giá 12.000 đồng/Cổ phần. Theo đó, tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty con tăng từ 75% lên 93,75%; đồng thời tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết của Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con giảm từ 25% xuống còn 6,25%.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	600.000.000.000	50,00%	182.442.050.000	39,24%
Ông Đỗ Hữu Hậu	60.000.000.000	5,00%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Hà	5.000.000.000	0,42%	151.344.700.000	32,55%
Cổ đông khác	535.000.000.000	44,58%	131.200.000.000	28,22%
1.200.000.000.000	100,00%		464.986.750.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	464.986.750.000	434.986.750.000
- Vốn góp tăng trong năm	735.013.250.000	30.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.200.000.000.000	464.986.750.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	46.498.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.000.000	46.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	46.498.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	46.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	46.498.675
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ	USD	1.506,59	1.276,18
Euro	EUR	8,95	8,95

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán xe đầu kéo Mỹ	369.438.181.859	-
Doanh thu bán xe tải, thùng xe tải, phụ tùng xe	232.823.455.689	97.851.000.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản	518.406.625.838	1.029.827.516.262
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.057.247.262	12.693.814.878
Doanh thu khác	13.999.998	2.363.399
	1.144.739.510.646	1.140.374.694.539
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	414.436.190.212	97.527.227.150

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán xe đầu kéo Mỹ	349.119.721.513	-
Giá vốn bán xe tải, thùng xe tải, phụ tùng xe	178.639.116.947	90.012.544.535
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	362.583.837.635	727.776.607.159
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.297.936.362	6.881.185.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.536.480.000	-
	898.177.092.457	824.670.336.816

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.069.235.507	2.582.447.783
Lãi chênh lệch tỷ giá	547.413.815	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	84.480
	6.616.649.322	2.582.532.263

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.475.844.399	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	720.029.369	-
	3.195.873.768	-

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.583.269.524	4.963.135.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.569.043.186	1.535.442.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.848.951	3.745.024.177
Chi phí khác bằng tiền	5.137.462.944	707.849.689
	15.567.624.605	10.951.451.526

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	507.699.508	-
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	454.545.455
Thu từ tiền chậm nộp của khách hàng mua căn hộ	-	244.481.899
Thu nhập từ khách hàng bỏ cọc mua căn hộ	-	417.000.000
Thu nhập khác	43.278.137	76.200.139
	550.977.645	1.192.227.493

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.618.209.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	-	3.850.277.908
Các khoản nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	911.799.171	1.890.340.641
Chi phí khác	20.058.196	1.320.110.696
	931.857.367	8.678.938.859

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	16.762.991.659	1.509.020.688
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	35.174.648.369	63.485.044.485
	51.937.640.028	64.994.065.173

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh khi điều chỉnh hợp nhất	(216.237.083)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(216.237.083)	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	162.236.862.647	167.666.525.519
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	162.236.862.647	167.666.525.519
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	95.404.214	45.561.688
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.701	3.680

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	524.048.876.674	80.029.225.836
Chi phí nhân công	12.206.809.019	10.237.803.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.722.134.674	5.410.953.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.508.673	4.078.415.814
Chi phí khác bằng tiền	9.024.389.989	17.392.124.808
	549.662.719.029	117.148.523.703

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.549.365.270	-	71.619.606.172	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.222.400.398	-	28.973.935.624	-
	152.771.765.668	-	100.593.541.796	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay và nợ	192.536.835.591	102.841.620.258
Phải trả người bán, phải trả khác	145.963.113.846	517.665.418.344
Chi phí phải trả	86.064.186.011	301.025.318.982
	424.564.135.448	921.532.357.584

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.549.365.270	-	-	132.549.365.270
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.222.400.398	-	-	20.222.400.398
	152.771.765.668	-	-	152.771.765.668
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.619.606.172	-	-	71.619.606.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.973.935.624	-	-	28.973.935.624
	100.593.541.796	-	-	100.593.541.796

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	191.036.835.591	1.500.000.000	-	192.536.835.591
Phải trả người bán, phải trả khác	143.026.714.169	2.936.399.677	-	145.963.113.846
Chi phí phải trả	86.064.186.011	-	-	86.064.186.011
	420.127.735.771	4.436.399.677	-	424.564.135.448
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	92.841.620.258	10.000.000.000	-	102.841.620.258
Phải trả người bán, phải trả khác	516.136.476.432	1.528.941.912	-	517.665.418.344
Chi phí phải trả	301.025.318.982	-	-	301.025.318.982
	910.003.415.672	11.528.941.912	-	921.532.357.584

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 668.180.040.920 306.709.696.260

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: (578.484.825.587) (415.404.396.526)

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông Bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2015 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có kế hoạch thực hiện tách hoạt động bất động sản thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Theo Nghị quyết này, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sẽ thực hiện bàn giao cho Công ty Cổ phần Bất Động sản Hoàng Huy bao gồm: Giá trị khoản Đầu tư dài hạn (Công ty con và Công ty liên kết) là 372.000 triệu đồng, Tài sản cố định có Nguyên giá 199.686 triệu đồng và Tiền gửi ngân hàng là 315 triệu đồng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2016 Công ty đã có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐ hủy bỏ kế hoạch chia tách Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy như đã nêu trên. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 16 tháng 03 năm 2016 thay thế cho Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 07 tháng 12 năm 2015. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện chuyển giao tài sản và quyền sở hữu tài sản cho Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 11)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	79.283.008.348	82.461.227.150
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	335.153.181.864	15.066.000.000
Đầu tư góp vốn			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết	-	70.000.000.000
Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	134.400.000.000	-
Nhận tiền hợp tác kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	40.000.000.000

Chi trả tiền hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	185.835.447.934
--	--------------------	---	-----------------

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	127.516.094.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	149.580.000.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	9.279.825.251	25.946.134.434
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	147.372.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	315.213.175	185.871.500

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Y
ĐU HAN
A TOAN
SC
TP. H.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất						
131	Phải thu khách hàng	27.897.807.255	131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	27.897.807.255	-
132	Trả trước cho người bán	37.371.949.255	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.371.949.255	-
135	Các khoản phải thu khác	129.858.607	136	Phải thu ngắn hạn khác	1.076.128.369	(946.269.762)
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	147.547	153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	147.547	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	946.269.762	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	946.269.762
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.676.050.909	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.676.050.909	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	92.841.620.258	320	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	92.841.620.258	-
312	Phải trả người bán	115.661.560.581	311	Phải trả người bán ngắn hạn	115.661.560.581	-
313	Người mua trả tiền trước	28.389.893.454	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.389.893.454	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50.999.958.691	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50.999.958.691	-
315	Phải trả người lao động	18.207.017	314	Phải trả người lao động	18.207.017	-
316	Chi phí phải trả	301.025.318.982	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	301.025.318.982	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	401.426.353.665	319	Phải trả ngắn hạn khác	400.474.915.851	951.437.814
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	137.596.063	318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	951.437.814	(951.437.814)
333	Phải trả dài hạn khác	1.528.941.912	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	137.596.063	-
334	Vay và nợ dài hạn	10.000.000.000	337	Phải trả dài hạn khác	1.528.941.912	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	464.986.750.000	338	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	10.000.000.000	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	170.071.123.593	411	Vốn góp của chủ sở hữu	464.986.750.000	-
439	Lợi ích cổ đông thiểu số	95.267.457.218	411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	464.986.750.000	-
			421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	170.071.123.593	-
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	2.404.598.074	-
			421b	LNST chưa phân phối kỳ này	167.666.525.519	-
			429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	95.267.457.218	-

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất						
24	Chi phí bán hàng	12.231.695.054	25	Chi phí bán hàng	12.231.695.054	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.951.451.526	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.951.451.526	-
45	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên	170.362.745	24	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	170.388.709	(25.964)
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	55.126.830.057	62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	55.126.830.057	-
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	167.666.499.555	61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	167.666.525.519	(25.964)
c/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất						
14	Thuế TNDN đã nộp	(56.195.770.170)	15	Thuế TNDN đã nộp	(56.195.770.170)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	306.709.696.260	33	Tiền thu từ đi vay	306.709.696.260	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(415.404.396.526)	34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(415.404.396.526)	-

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hà Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2016



Đỗ Hữu Hạ

